

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 15/2008/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 39/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"**Điều 6.** Điều kiện được vay vốn:

1. Đối với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 5:

- Phải có dự án vay vốn khả thi, phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh, tạo việc làm mới, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;
- Dự án phải có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan thực hiện chương trình địa phương nơi thực hiện dự án;
- Đối với dự án có mức vay trên 20 triệu đồng phải có tài sản thế chấp, cầm cố theo quy định hiện hành hoặc bảo đảm tiền vay theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách Xã hội.

2. Đối với các đối tượng vay vốn nêu tại khoản 2 Điều 5:

- Phải đảm bảo tạo thêm tối thiểu 01 chỗ làm việc mới;
- Dự án phải có xác nhận của chính quyền hoặc cơ quan thực hiện chương trình địa phương nơi thực hiện dự án".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 1, Điều 8 như sau:

"**Điều 8.** Mức vốn, thời hạn và lãi suất vay

1. Mức vốn vay:

- Đối với các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều 5, mức vay tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án và không quá 20 triệu đồng/1 việc làm mới."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

"Điều 9. Xây dựng dự án, thẩm định dự án và quyết định phê duyệt dự án.

1. Xây dựng dự án:

Các đối tượng vay vốn quy định tại Điều 5, khi có nhu cầu vay vốn phải xây dựng dự án, lập hồ sơ vay vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách Xã hội ở địa phương.

2. Thẩm định dự án:

Ngân hàng Chính sách Xã hội địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định bảo đảm các chỉ tiêu về tạo việc làm mới và bảo tồn vốn, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án.

3. Thẩm quyền phê duyệt dự án:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan Trung ương thực hiện Chương trình ra quyết định phê duyệt các dự án vay vốn từ Quỹ;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan Trung ương thực hiện Chương trình thực hiện phân cấp cho cơ quan cấp dưới ra quyết định phê duyệt các dự án theo hướng dẫn của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bảo đảm nhanh chóng, thuận lợi cho các đối tượng vay vốn.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì cùng Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi chung là liên Bộ) chịu trách nhiệm quy định việc xây dựng dự án, thẩm định và phân cấp phê duyệt dự án; quy định rõ thời hạn các cơ quan thẩm định, phê duyệt dự án phải hoàn thành công việc và trả lời đối tượng vay vốn".

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

"Điều 11. Thu hồi và sử dụng vốn thu hồi

1. Ngân hàng Chính sách Xã hội địa phương xây dựng kế hoạch thu nợ, tiến hành thu hồi nợ cả vốn gốc và lãi khi đến hạn; người vay có thể trả vốn trước hạn. Trong quá trình cho vay, Ngân hàng Chính sách Xã hội địa phương kiểm tra nếu phát hiện người vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì báo cáo với cơ quan phê duyệt dự án ra quyết định thu hồi nợ trước thời hạn.

2. Ngân hàng Chính sách Xã hội sử dụng vốn thu hồi để cho vay các dự án đã được phê duyệt, không để vốn tồn đọng.

3. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh nguồn vốn cho vay giữa các địa phương, các cơ quan Trung ương thực hiện Chương trình hoặc thu hồi về Trung ương, Ngân hàng Chính sách Xã hội báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để có quyết định xử lý. Ngân hàng Chính sách Xã hội có trách nhiệm chuyển vốn theo quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4. Gia hạn nợ: đối với các dự án đến hạn trả nợ, nhưng do nguyên nhân khách quan gặp khó khăn về tài chính dẫn đến người vay chưa có khả năng trả nợ và có nhu cầu gia hạn, phải làm đơn giải trình rõ nguyên nhân và biện pháp khắc phục gửi đến Ngân hàng Chính sách Xã hội địa phương nơi cho vay để xem xét, giải quyết. Căn cứ đơn xin gia hạn nợ, Ngân hàng Chính sách Xã hội địa phương kiểm tra, xem xét, giải quyết gia hạn nợ. Sau khi gia hạn nợ, Ngân hàng Chính sách Xã hội địa phương có trách nhiệm báo cáo kết quả với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan thực hiện chương trình cùng cấp để tổng hợp báo cáo liên Bộ".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

"Điều 12. Xử lý nợ quá hạn

1. Nợ quá hạn không phải do các nguyên nhân bất khả kháng và không thuộc đối tượng được giải quyết gia hạn nợ, người vay vốn phải có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi về Ngân hàng Chính sách Xã hội. Sau 3 tháng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn, đã được đôn đốc trả nợ nhưng người vay vốn vẫn không trả nợ thì Ngân hàng Chính sách Xã hội chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.